

Số: 43 /NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ - vận tải xi măng Hải Phòng ngày 30 tháng 06 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 của Ban Giám đốc với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, với một số chỉ tiêu chính như sau:

1.1. Kết quả kinh doanh năm 2020

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2020 NQ ĐHĐCĐ | KH 2020 Vicem Điều chỉnh | TH 2020 | Tỷ lệ (%) so | | |
|-----|--------------------|---------|------------------------|-----------------------------------|------------|-------------------|---------------------|--------|
| | | | | | | KH NQ ĐHĐCĐ | KH Điều chỉnh | CK |
| 1 | Tổng sản lượng | Tấn | 1.417.000 | 1.328.050 | 1.348.165 | 95,14 | 101,51 | 98,87 |
| | <i>Tương đương</i> | Tấn.km | 29.234.022 | 28.148.522 | 43.515.317 | 148,85 | 154,59 | 123,95 |
| 2 | DT và TNK | Tỷ đồng | 102,113 | 92,661 | 92,800 | 90,88 | 100,15 | 90,48 |
| 3 | LN trước thuế | Tỷ đồng | 2,550 | 1,650 | 0,923 | 36,20 | 55,93 | 36,65 |
| 4 | LN sau thuế | Tỷ đồng | 2,016 | 1,402 | 0,760 | 37,70 | 55,23 | 39,06 |
| 5 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 3,600 | 4,000 | 4,051 | 112,53 | 101,27 | 107,48 |
| 6 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 7 | - | 2 | 28,57 | - | 28,57 |
| 7 | Quỹ lương | Tỷ đồng | 11,600 | 11,600 | 10,510 | 90,60 | 90,60 | 96,15 |
| 8 | EBITDA | Tỷ đồng | 5,464 | 4,447 | 3,720 | 68,08 | 83,65 | 69,70 |

1.2 Dự kiến Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

| STT | Chỉ tiêu tài chính | ĐVT | Kế hoạch VICEM phê duyệt /thỏa thuận | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------|---------|
| 1 | Tổng sản lượng <i>Tương đương</i> | Tấn | 1.354.000 46.130.348 | |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 80.688 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 1.000 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 776 | |
| 5 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 3.500 | |
| 6 | Dự kiến chi trả cổ tức | % | 3 | |
| 7 | Tổng quỹ lương | Tr.đồng | 10.900 | |
| 8 | Mua sắm 01 xe tải trọng tải 5 tấn, 01 xe ca 34->35 chỗ | Tr.đồng | 2.600 | |

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HDQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;



Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán theo nội dung Tờ trình số 35/TTr-HDQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền |
|----|---------------------------------|------|----------------|
| 1 | Tổng tài sản | Đồng | 45.184.389.144 |
| 2 | Nợ phải trả | Đồng | 4.229.579.696 |
| 3 | Vốn chủ sở hữu | Đồng | 40.954.809.448 |
| 4 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Đồng | 20.163.850.000 |
| 5 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Đồng | 92.799.622.031 |
| 6 | Tổng chi phí | Đồng | 91.876.986.569 |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 922.635.462 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 760.071.238 |
| 9 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Đồng | 377 |

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 36/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, trong đó lược trích từ tờ trình như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền |
|------------|------------------------------------------------|-------------|-----------------------|
| I | Vốn điều lệ | Đồng | 20.163.850.000 |
| II | Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 | Đồng | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế năm 2020 | Đồng | 922.635.462 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp năm 2020 | Đồng | 162.564.224 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2020 | Đồng | 760.071.238 |
| | Tổng lợi nhuận phân phối năm 2020 | Đồng | 760.071.238 |
| 4 | Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 2% x VĐL bằng tiền) | Đồng | 403.277.000 |
| 5 | Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Đồng | 356.794.238 |
| III | Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối | Đồng | 0 |

Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021 theo nội dung Tờ trình số 37/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo nội dung Tờ trình số 38/TTr-BKS với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 8. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 9. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội. Giao cho HĐQT Công ty ban hành và thực hiện theo quy định;

Điều 10. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội. Giao cho HĐQT Công ty ban hành và thực hiện theo quy định;



Điều 11. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; Giao cho BKS Công ty ban hành và thực hiện theo quy định;

Điều 12. Thông qua việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Lê Văn thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân theo nội dung Tờ trình số 40/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 13. Chuẩn thuận kết quả bầu bổ sung ông Nguyễn Thành Phương là thành viên HĐQT độc lập của Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

| STT | Họ và tên | Số quyền được bầu | Tỷ lệ so với tổng số CP tham dự đại hội (%) |
|-----|---------------------|-------------------|---------------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thành Phương | 1.867.103 | 100 % |

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thương mại - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần thương mại - dịch vụ - vận tải xi măng Hải Phòng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần thương mại - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT TP Hà Nội (B/cáo);
- HĐQT, TGD Tổng Cty XMVN (B/cáo);
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty (T/hiện);
- Ban Giám đốc Công ty (T/hiện);
- Công bố TT trên Website Cty (thay cho T/báo);
- Lưu: Văn thư.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ
- VẬN TẢI XI MĂNG
HẢI PHÒNG**
Q. HỒNG BÀNG T.P HẢI PHÒNG

Mai Hong Hai

Mai Hồng Hải

Số: 42.../BB-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2021

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

A. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH - VỤ VẬN - TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG

B. Thời gian bắt đầu Đại hội: 8 giờ 30 phút, thứ 4 ngày 30 tháng 06 năm 2021.

C. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần thương mại - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng - Số 290 đường Hà Nội, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

D. Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, các khách mời tham dự Đại hội, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty Cổ phần thương mại - Dịch vụ - Vận tải xi măng Hải Phòng (theo Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm ngày 29/03/2021).

E. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch

| | | |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| - Ông Mai Hồng Hải | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa Đại hội |
| - Ông Lê Văn Thắng | Thành viên HĐQT | Thành viên |
| - Ông Phạm Thế Hưng | Thành viên HĐQT | Thành viên |

2. Tổ Thư ký

| | | |
|--------------------------|-----------------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Bá Toàn | Thư ký HĐQT | Tổ trưởng |
| - Bà Nguyễn Thị Minh Thu | Phó phòng Kế toán tài chính | Thành viên |

3. Ban Kiểm phiếu và bầu cử

| | | |
|------------------------|-------------------------------|------------|
| - Ông Phạm Đức Hoàng | Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật | Trưởng ban |
| - Ông Vũ Xuân Anh | Phó phòng Kinh tế kỹ thuật | Thành viên |
| - Bà Trần Thị Cúc Thoa | Phòng Kế toán tài chính | Thành viên |

4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

| | | |
|-----------------------|----------------------------|------------|
| - Ông Trần Văn Tư | Thành viên Ban kiểm soát | Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Sĩ Biên | Trưởng phòng Kinh doanh | Thành viên |
| - Ông Lương Quang Tân | Phó phòng Tổ chức lao động | Thành viên |

F. Điều kiện tiến hành Đại hội

Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông - Ông Trần Văn Tư báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, tại thời điểm khai mạc (8h35 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau:

Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là : 37 Cổ đông, đại diện cho 1.867.103 cổ phần, chiếm 92,6 % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (2.016.385 cổ phần), trong đó:

- Số Cổ đông tham dự trực tiếp là 11 Cổ đông, đại diện cho 1.687.782 cổ phần, chiếm 83,70 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số Cổ đông ủy quyền là 26 Cổ đông, đại diện cho 179.321 cổ phần, chiếm 8,90 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

G .Nội dung và diễn biến của Đại hội:

1. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch và các Ban giúp việc Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và bầu cử với 1.867.103 cổ phần đồng ý, đạt 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

2. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội.

Ông Phạm Thế Hưng thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày Chương trình nghị sự của Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội với 1.867.103 cổ phần đồng ý, đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

3. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.

Ông Phạm Thế Hưng thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với 1.867.103 cổ phần đồng ý, đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội

4. Thông qua các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Đoàn chủ tịch đã điều hành Đại hội, báo cáo trước Đại hội trình tự nội dung các Báo cáo, tờ trình cụ thể như sau:

4.1. Ông Lê Văn Thắng - Giám đốc Công ty Trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc về Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021(Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

4.2. Ông Mai Hồng Hải - Chủ tịch HĐQT Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động 2021 (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).



4.3. Bà Lê Thị Hạnh - Trưởng ban Kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch hoạt động 2021 (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

4.4. Ông Vũ Thanh Tùng - Kế toán trưởng Công ty trình bày các tờ trình (chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội)

- Tờ trình số 35 /TTr-HĐQT thông qua BCTC năm 2020 đã được kiểm toán.
- Tờ trình số 36/TTr-HĐQT thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
- Tờ trình số 37/TTr-HĐQT thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021.
- Tờ trình số 38 /TTr-BKS thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.

4.5 Ông Phạm Thế Hưng - UV HĐQT, Phó Giám đốc Công ty trình bày Tờ trình số 39 /TTr-HĐQT về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty (chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

5. Thảo luận, biểu quyết tại Đại hội: Các cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

- Các cổ đông đồng ý với các báo cáo và tờ trình tại đại hội.
- Ý kiến của cổ đông:
 - +Cổ đông Nguyễn Thành Phương đại diện nhóm cổ đông lớn có ý kiến bổ sung sửa đổi Điều lệ và các quy chế (có văn bản kiến nghị kèm theo)
 - +Cổ đông Lưu Thị Thu Thủy có ý kiến về một số chỉ tiêu tài chính thực hiện năm 2020 và 2021.

Nội dung ý kiến của các cổ đông đã được Chủ tịch đoàn phân tích và giải đáp tại Đại hội.

Sau phần thảo luận và giải đáp các ý kiến của cổ đông, Đại hội đã tiến hành biểu quyết. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết đều được lấy ý kiến công khai bằng cách ghi phiếu biểu quyết.

6. Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

Đại hội đã được nghe Ông Phạm Đức Hoàng - Trưởng ban Kiểm phiếu và bầu cử báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình tại đại hội:

6.1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

00577
CÔNG TY
PHẦN
HỮU
HẠN
TÀI XÍ M
PHÒNG
G.T.P

a. Kết quả kinh doanh năm 2020

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2020 NQ ĐHĐCĐ | KH 2020 Điều chỉnh | Thực hiện 2020 | Tỷ lệ % TH so | | |
|-----|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
| | | | | | | KH NQ ĐHĐCĐ | KH Điều chỉnh | CK |
| 1 | Tổng sản lượng <i>Tương đương</i> | Tấn <i>T.km</i> | 1.417.000 29.234.022 | 1.328.050 28.148.522 | 1.348.165 43.515.317 | 95,14 148,85 | 101,51 154,59 | 98,87 123,95 |
| 1.1 | Vận tải bộ | Tấn | 590.000 | 582.840 | 574.640 | 97,40 | 98,59 | 103,47 |
| 1.2 | Bốc xúc | Tấn | 420.000 | 473.900 | 465.290 | 110,78 | 98,18 | 112,58 |
| 1.3 | Xe khách | Chuyến | 4.084 | 4.084 | 3.903 | 95,57 | 95,57 | 92,99 |
| 1.4 | Vận tải thủy | Tấn | 280.000 | 152.040 | 150.988 | 53,92 | 99,31 | 58,50 |
| 1.5 | Vận tải biển | Tấn | 72.000 | 72.000 | 110.634 | 153,66 | 153,66 | 132,87 |
| 1.6 | Sản lượng TT | Tấn | 55.000 | 47.270 | 46.612 | 84,75 | 98,61 | 87,09 |
| 2 | DT và TNK | Tỷ đồng | 102,113 | 92,661 | 92,800 | 90,88 | 100,15 | 90,48 |
| 3 | LN trước thuế | Tỷ đồng | 2,550 | 1,650 | 0,923 | 36,20 | 55,93 | 36,65 |
| 4 | LN sau thuế | Tỷ đồng | 2,016 | 1,402 | 0,760 | 37,70 | 55,23 | 39,06 |
| 5 | Nộp ngân sách | Tỷ đồng | 3,600 | 4,000 | 4,051 | 112,53 | 101,27 | 107,48 |
| 6 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 7 | - | 2 | 28,57 | - | 28,57 |
| 7 | Quỹ lương | Tỷ đồng | 11,600 | 11,600 | 10,510 | 90,60 | 90,60 | 96,15 |
| 8 | EBITDA | Tỷ đồng | 5,464 | 4,447 | 3,720 | 68,08 | 83,65 | 69,70 |

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2021

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2021 |
|-----|--------------------------------------|--------------------|-------------------------|
| 1 | Tổng sản lượng <i>Tương đương</i> | Tấn <i>T.km</i> | 1.354.000 46.130.348 |
| 1.1 | Vận tải bộ | tấn | 596.500 |
| 1.2 | Bốc xúc | tấn | 480.000 |
| 1.3 | Xe Ca | chuyến | 3.840 |
| 1.4 | Vận tải thủy | tấn | 123.900 |
| 1.5 | Vận tải biển | tấn | 116.400 |
| 1.6 | Sản lượng tiêu thụ | tấn | 37.200 |
| 2 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Tr. đồng | 80.688 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 1.000 |
| 4 | Nộp Ngân sách nhà nước | Tr. đồng | 3.500 |
| 5 | Quỹ tiền lương | Tr. đồng | 10.900 |
| 6 | Tỷ lệ chia cổ tức | % | 3 |

6.2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.3. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 35/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội

| T T | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền |
|----------------|---------------------------------|------------|----------------|
| 1 | Tổng tài sản | Đồng | 45.184.389.144 |
| 2 | Nợ phải trả | Đồng | 4.229.579.696 |
| 3 | Vốn chủ sở hữu | Đồng | 40.954.809.448 |
| 4 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Đồng | 20.163.850.000 |
| 5 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | Đồng | 92.799.622.031 |
| 6 | Tổng chi phí | Đồng | 91.876.986.569 |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 922.635.462 |
| 8 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 760.071.238 |
| 9 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Đồng | 377 |

6.5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 36/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền |
|------------|------------------------------------------------|-------------|-----------------------|
| I | Vốn điều lệ | Đồng | 20.163.850.000 |
| II | Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 | Đồng | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế năm 2020 | Đồng | 922.635.462 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp năm 2020 | Đồng | 162.564.224 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế năm 2020 | Đồng | 760.071.238 |
| | Tổng lợi nhuận phân phối năm 2020 | Đồng | 760.071.238 |
| 4 | Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 2% x VĐL bằng tiền) | Đồng | 403.277.000 |
| 5 | Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Đồng | 356.794.238 |
| III | Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối | Đồng | 0 |

6.6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021 theo nội dung Tờ trình số 37/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.6.1 Mức thù lao năm 2020: Tổng chi phí cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty năm 2020 là: 378.500.000 đồng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân bổ mức thù lao năm 2020 cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty.

6.6.2 Kế hoạch thù lao năm 2021

| STT | Chức danh | Số lượng | Mức thù lao (đồng/người/tháng) | Ghi chú |
|------------|--------------------------|----------|--------------------------------|---------|
| I | Hội đồng quản trị | 5 | | |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 6.000.000 | |
| 2 | Thành viên HĐQT | 4 | 4.000.000 | |
| II | Ban kiểm soát | 3 | | |
| 1 | Thành viên BKS | 2 | 3.000.000 | |
| III | Thư ký công ty | 1 | 3.000.000 | |

Đối với Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty: hưởng lương theo mức lương bình quân của Trưởng và phó phòng công ty. Các chế độ quyền lợi khác hưởng theo Quy chế tiền lương của công ty.

6.7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH kiểm toán An Việt theo nội dung Tờ trình số 38/TTr-BKS với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.8. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.9. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.10. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

6.11. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty theo nội dung Tờ trình số 39/TTr-HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương



đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

7. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập

7.1. Ông Lê Văn Thắng thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua Đại hội Tờ trình về việc miễn nhiệm ông Nguyễn Lê Văn thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT theo nguyện vọng cá nhân.

- Đại hội biểu quyết thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm ông Nguyễn Lê Văn thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

7.2. Ông Lê Văn Thắng thay mặt Đoàn chủ tịch thông qua Đại hội Tờ trình danh sách ứng viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023

- Đại hội biểu quyết thông qua Tờ trình danh sách ứng viên bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT độc lập Ông Nguyễn Thành Phương với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

7.3. Đại hội đã được nghe Ông Phạm Đức Hoàng trưởng ban kiểm phiếu và bầu cử trình bày Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và Hướng dẫn bầu cử tại đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

7.4. Đại hội tiến hành bỏ phiếu.

7.5. Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập.

Đại hội đã được nghe Ông Phạm Đức Hoàng báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

| STT | Họ và tên | Số quyền được bầu | Tỷ lệ so với tổng số cổ phần tham dự đại hội |
|-----|---------------------|-------------------|----------------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thành Phương | 1.867.103 | 100 % |

8. Thông qua Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội

Đại hội đã được nghe Ông Nguyễn Bá Toàn - Tổ trưởng tổ thư ký thay mặt Tổ Thư ký Đại hội lên trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đoàn chủ tịch xin ý kiến biểu quyết thông qua nội dung Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội thống nhất biểu quyết với với 1.867.103 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; Số cổ phần không tán thành: Không; số cổ phần có ý kiến khác: Không.

577563
CÔNG TY
HÀNG
DỊCH VỤ
KIỂM SÁT
HỘI
PHÁP

9. Bế mạc Đại hội

Ông Phạm Thế Hưng - Thành viên Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần thương mại - dịch vụ - vận tải xi măng Hải Phòng kết thúc hồi 11 giờ 50 phút cùng ngày.

Biên bản Đại hội gồm 8 trang, được lập và thông qua hồi 11 giờ 50 phút đã được công khai cho toàn thể Cổ đông dự họp và thống nhất ủy quyền cho Đoàn chủ tịch và ban thư ký Đại hội cùng ký tên.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

Thành viên



Phạm Thế Hưng

Thành viên



Lê Văn Thắng

TỔ THƯ KÝ

Thành viên



Nguyễn Thị Minh Thu

Tổ trưởng



Nguyễn Bá Toàn



Chủ Tọa

Mai Hồng Hải

